

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2023/HS-ST
Ngày 15/02/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Hiệp;

Ông Lê Văn Mỹ.

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Q T1 - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 142/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2023, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Hoàng Phi H**, sinh ngày 07/5/1972; tên gọi khác: Không; nơi sinh tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: 220/36, khu phố 4, phường Tân M, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Tổ 20, ấp Ông H, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn P, sinh năm 1951 (đã chết) và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1952; gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ tư, có vợ là Triệu Thị H, sinh năm 1982 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 03/9/2022, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày 09/9/2022; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cầm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2/ Họ và tên: **Phạm Hữu T**, sinh ngày 08/8/1984; tên gọi khác: T Lùn; nơi sinh tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: Tổ 29, khu phố 4B, phường Trảng D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Tổ 16, ấp Ông H, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V, sinh năm 1960 và bà Trương Thị P, sinh năm 1962; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai, có vợ là Trần Thị H, sinh năm 1989 (đã ly hôn); tiền án: Bản án số 132/2021/HS-ST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh

Đồng Nai xử phạt 07 tháng tù về tội: “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 02 tháng kể từ ngày tuyên án, hình phạt bổ sung 10.000.000 đồng, bị cáo nộp án phí và phạt bổ sung ngày 07/4/2022 (Biên lai số 037125 và số 02791); tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 03/9/2022, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày 09/9/2022; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3/ Họ và tên: **Phan Văn D**, sinh ngày 10/11/1973; tên gọi khác: Không; nơi sinh tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký thường trú: Thôn 3, xã Ea K, huyện Cư K, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: không rõ ràng; nghề nghiệp: Thợ hàn; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Đình K, sinh năm 1937 và bà Hồ Thị L, sinh năm 1937; gia đình có 09 anh chị em, bị cáo là con thứ năm, có vợ là Trần Thị Mộng T, sinh năm 1980 và có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 113/2009/HS-PT ngày 11/5/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội: “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 05 tháng 12 ngày, bị cáo đã chấp hành xong các quyết định của bản án; bị bắt giữ ngày 03/9/2022, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vĩnh Cửu; bị cáo có mặt.

4/ Họ và tên: **Triệu Văn C**, sinh ngày 10/5/1959; tên gọi khác: Không; nơi sinh tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: Ấp Hưng N, xã Hưng L, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Tổ 20, ấp Ông H, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn P, sinh năm 1916 (đã chết) và bà Dương Thị K, sinh năm 1923 (đã chết); gia đình có 09 anh chị em, bị cáo là con thứ mười, có vợ là Trần Trúc M, sinh năm 1962 và có 04 con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 03/9/2022, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày 09/9/2022; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

5/ Họ và tên: **Nguyễn Tấn Hồng Q**, sinh ngày 20/12/1980; tên gọi khác: Không; nơi sinh tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố 2, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ 20, ấp Ông H, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn C, sinh năm 1957 và bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1960; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất, có vợ là Lê Thị H, sinh năm 1981 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 03/9/2022, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày 09/9/2022; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

6/ Họ và tên: **Lê Đăng C1**, sinh ngày 05/5/1991; tên gọi khác: Không; nơi sinh tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Tổ 57, khu phố 4B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đăng C, sinh năm 1965 (đã chết) và bà Bạch Thị H, sinh năm 1966; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất, có vợ là Trần Thị M, sinh năm 1990 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày

03/9/2022, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày 09/9/2022; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

7/ Họ và tên: **Lê Khắc C2**, sinh ngày 16/10/1991; tên gọi khác: Không; nơi sinh tỉnh Phú Thọ; nơi đăng ký thường trú: Khu 7, xã Hoàng C, huyện T, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Tổ 23, ấp Ông H, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân S (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai, có vợ là Nguyễn Thị P, sinh năm 1994 và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 03/9/2022, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày 09/9/2022; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

8/ Họ và tên: **Bùi Văn T1**, sinh ngày 03/02/1977; tên gọi khác: Không; nơi sinh tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký thường trú: Thôn 12, xã Cẩm D, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Tổ 21, ấp Ông H, xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C, sinh năm 1933 và bà Dương Thị C, sinh năm 1933; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư, có vợ là Lương Thị L, sinh năm 1988 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 03/9/2022, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày 09/9/2022; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Trịnh Văn P, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp Ông H, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 03/9/2022, Phan Văn D điều khiển xe mô tô biển số 47B1-206.46 tới quán tạp hóa C Hoàng Phi H, do H là chủ tiệm tạp hóa “Chú Mười” thuộc ấp Ông H, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai để uống cà phê thì gặp Triệu Văn C (bố vợ C H) đang ngồi tại quán. Khoảng một tiếng sau có thêm Phạm Hữu T, Nguyễn Tấn Hồng Q đến quán tạp hóa uống nước. Khoảng 12 giờ cùng ngày, D, C, T và Q rủ nhau đánh bài ăn tiền, D nói H lấy mấy bộ bài tây để chơi thì H đồng ý và chỉ chỗ để bài cho D. D tới lấy 07 bộ bài tây và một hộp nhựa trong quán để bỏ tiền “xâu” rồi cùng C, T và Q vào phòng bên trong tiệm C H đánh bạc bằng hình thức “Đánh bài Liêng” thắng thua bằng tiền và trả tiền xâu cho H. Khi vào phòng, cả nhóm trải một chiếc chăn màu hồng có sẵn tại đây và cùng nhau đánh bạc. Sau đó lần lượt Bùi Văn T1, Lê Khắc C2, Lê Đăng C1 đến quán vào tham gia đánh bạc.

Cách thức đánh bạc bằng hình thức “Đánh bài Liêng” như sau: Trước khi bắt đầu chia bài, các con bạc trong bàn cần phải bỏ ra số tiền 10.000 đồng gọi là tiền sán. Bắt đầu ván bài, mỗi người chơi sẽ được chia 03 lá bài. Sau đó người chơi sẽ có các lựa chọn:

Úp bài: Nếu úp bài người chơi sẽ bị mất đi số tiền cược ban đầu và kết

thúc ván bài tại đó.

Theo: Đặt tiền cược đúng bằng số tiền C người ở cửa trên đặt.

Tổ: Đặt thêm tiền cược cao hơn số tiền C những người cửa trên đã đặt.

Các con bạc “Tổ” với nhau tối đa mỗi lần từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng. Sau khi mọi người đặt tiền cược, người nào có bài cao nhất sẽ là người thắng cuộc. Cách tính thắng thua (tính theo thứ tự từ lớn đến bé) như sau:

Sáp: Là bộ ba lá bài giống nhau. Nếu hai người cùng có sáp thì người nào có sáp cao hơn sẽ thắng.

Liêng: Là ba lá bài liên tiếp nhau. Khi hai người đều có Liêng, thì ai có Liêng cao hơn sẽ thắng. Khi hai Liêng bằng nhau thì tìm ra lá bài có chất cao nhất để so sánh. Chất cao nhất trong bài Liêng là Cơ, rô, Chuồn, Bích.

Ba Tây: Là khi cả ba quân bài đều là Tây (quân bài J, Q, K). Khi hai đôi thủ có Ba Tây như nhau thì so sánh đến chất cao nhất C bài. Nếu chất bằng nhau thì so sánh đến quân bài.

Điểm: Khi bài không có Sáp, Liêng, Ba Tây thì bắt đầu tính điểm. Lấy tổng điểm C 03 quân chia cho 10, số dư sau khi chia là số điểm. Trong đánh bài Liêng điểm sắp xếp từ cao xuống thấp 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2, 1, 0. Điểm các quân bài được tính như sau: Các quân 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 được tính tương ứng là 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Quân A tính 1 điểm. Các quân 10, J, Q, K tính 0 điểm. Khi hai đối thủ bằng điểm thì so sánh quân bài có chất cao nhất. Nếu cùng chất thì so sánh quân. Quân từ thấp đến cao là 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K, A.

Các đối tượng C2, C1, C, D, Q, T và T1 tham gia đánh bạc đến 16 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Công an xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu kiểm tra phát hiện, lập biên bản bắt giữ người trong trường hợp phạm tội quả tang.

Kết quả điều tra xác định số tiền sử dụng vào việc đánh bạc tại thời điểm bị phát hiện bắt quả tang C từng bị can như sau:

Phan Văn D sử dụng 1.500.000 đồng đánh bạc, thắng bạc 580.000 đồng, bắt quả tang D bỏ 280.000 đồng xuống chiếu bạc, thu giữ trong người 1.800.000 đồng là tiền đánh bạc. Lê Khắc C2 sử dụng 830.000 đồng đánh bạc, thắng bạc 1.370.000 đồng, lúc bắt quả tang để tiền trên chiếu bạc. Nguyễn Tấn Hồng Q mang theo 2.100.000 đồng, sử dụng 1.100.000 đồng đánh bạc, thắng bạc 540.000 đồng, lúc bắt quả tang tiền để trên chiếu bạc, thu giữ trong người số tiền 1.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Triệu Văn C mang theo 800.000 đồng đánh bạc, thua bạc 20.000 đồng, lúc bắt quả tang, tiền để trên chiếu bạc. Phạm Hữu T mang theo 21.300.000 đồng đánh bạc, thua bạc 180.000 đồng, lúc bắt quả tang, T để 120.000 đồng dưới chiếu bạc, thu giữ trong người 21.000.000 đồng là tiền đánh bạc. Bùi Văn T1 mang theo 900.000 đồng đánh bạc, thắng bạc 1.200.000 đồng, lúc bắt quả tang tiền để trên chiếu bạc. Lê Đăng C1 mang theo 2.000.000 đồng đánh bạc, thắng bạc 40.000 đồng, lúc bắt quả tang tiền để trên chiếu bạc.

Tổng số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là 32.290.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu trên chiếu bạc: 9.280.000 đồng; 07 bộ bài tây (có 03 bộ đã qua sử dụng); 01 hộp nhựa bên trong có 210.000 đồng tiền xâu; 01 chăn màu hồng.
- Thu giữ tại hiện trường: 05 xe mô tô gồm các biển số 38P1-181.70,

60P7-8891, 60B9-418.18, 47B1-206.46, 39F4-4132.

- Thu giữ trên người các đối tượng: Phan Văn D 01 điện thoại di động Iphone 11, màu đen (không liên quan đến việc đánh bạc); số tiền 1.800.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Phạm Hữu T 01 điện thoại di động OPPO A3S, màu đen (không liên quan đến việc đánh bạc); số tiền 21.000.000 đồng sử dụng đánh bạc. Nguyễn Tấn Hồng Q 01 điện thoại di động Samsung J7, màu vàng (không liên quan đến việc đánh bạc); số tiền 1.000.000 đồng không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Triệu Văn C 01 điện thoại di động hiệu Redmi 9C, màu xanh dương (không liên quan đến việc đánh bạc). Bùi Văn T1 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu đen (không liên quan đến việc đánh bạc). Lê Khắc C2 01 điện thoại di động Samsung A7, màu xanh dương (không liên quan đến việc đánh bạc). Hoàng Phi H 01 điện thoại di động Nokia 105, màu đen (không liên quan đến việc đánh bạc).

Tổng số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là 32.290.000 đồng.

Về xử lý vật chứng thu giữ: Cơ quan C2 sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu đã giao trả lại các tài sản nêu trên cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp tài sản;

- Xe mô tô biển số 60B9-418.18 do ông Trịnh Văn P, sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú tại ấp Ông H, xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai đứng tên chủ sở hữu. Ngày 03/9/2022, ông P điều khiển xe mô tô trên đến quán tạp hóa C Hoàng Phi H để mua bột lửa. Khi bị bắt quả tang thì có mặt tại sòng bạc nhưng không tham gia vào hành vi đánh bạc. Cơ quan C2 sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu đã giao trả xe trên cho ông P.

- Xe mô tô biển số 38P1-181.70 do bà Lương Thị L, sinh năm 1988, hộ khẩu thường trú tại thôn Thống N, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh đứng tên chủ sở hữu. Ngày 03/9/2022, Bùi Văn T1 - chồng bà L tự ý lấy xe đi và tham gia đánh bạc bị bắt quả tang. Loan không biết việc T1 lấy xe đến quán tạp hóa đánh bạc. Cơ quan C2 sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu đã giao trả xe trên cho bà L.

- Xe mô tô biển số 39F4-4132 do bà Nguyễn Hoài T, sinh năm 1980, cư trú tại số 380/1, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai đứng tên chủ sở hữu. Năm 2022, T bán xe cho một người không rõ lai lịch và không làm thủ tục sang tên. Lê Khắc C2 khai đầu năm 2022, C2 mua lại xe mô tô trên với giá 8.700.000 đồng C một người không rõ lai lịch, khi mua C2 không làm thủ tục sang tên mà chỉ lấy giấy tờ xe. Ngày 03/9/2022, C2 điều khiển xe đến quán tạp hóa để mua thuốc, không liên quan đến việc đánh bạc. Cơ quan C2 sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu đã giao trả xe trên cho C2.

- Xe mô tô biển số 60P7-8891 do ông Trần Tuấn A, sinh năm 1989, cư trú tại phố 4, ấp 5, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai đứng tên chủ sở hữu. Năm 2016, Tuấn A bán xe cho một người không rõ lai lịch và không làm thủ tục sang tên. Qua làm việc, Phạm Hữu T khai đầu năm 2016, T mua lại xe mô tô trên với giá 11.000.000 đồng C một người không rõ lai lịch, không làm thủ tục sang tên mà chỉ lấy giấy tờ xe. Ngày 03/9/2022, T điều khiển xe đến quán tạp hóa uống cà phê, không liên quan đến việc đánh bạc. Cơ quan C2 sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu đã giao trả xe trên cho T.

- Cơ quan C2 sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu đã giao trả: 01 điện

thoại di động OPPO A3S, màu đen cho Phạm Hữu T; 01 điện thoại di động Samsung J7, màu vàng cho Nguyễn Tấn Hồng Q; 01 điện thoại di động hiệu Redmi 9C, màu xanh dương cho Triệu Văn C; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu đen cho Bùi Văn T1; 01 điện thoại di động Samsung A7, màu xanh dương cho Lê Khắc C2; 01 điện thoại di động Nokia 105, màu đen cho Hoàng Phi H.

- Xe mô tô biển số 47B1-206.46 do Phan Văn D, sinh năm 1973, hộ khẩu thường trú tại thôn 3, xã Ea Ktur, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đứng tên chủ sở hữu. Ngày 03/9/2022, D điều khiển xe đi uống cà phê (không liên quan đến việc đánh bạc), hiện xe mô tô biển số 47B1-206.46 và 01 điện thoại di động Iphone 11, màu đen (không liên quan đến việc đánh bạc) C Phan Văn D đang bị tạm giữ.

Bản Cáo trạng số: 09/CT-VKSVC ngày 23/12/2022 C Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu truy tố bị cáo Hoàng Phi H về tội: “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 C Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Phạm Hữu T, Phan Văn D, Triệu Văn C, Nguyễn Tấn Hồng Q, Lê Đăng C1, Lê Khắc C2 và Bùi Văn T1 về tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 C Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 C Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Phi H từ 12 tháng đến 14 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i (trừ bị cáo T và D), điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 C Bộ luật hình sự; xử phạt các bị cáo:

Phạm Hữu T từ 10 tháng đến 12 tháng tù; tổng hợp hình phạt với Bản án số 132/2021/HS-ST ngày 24/11/2021 C Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Phan Văn D từ 06 tháng đến 08 tháng tù;

Phạt tiền đối với Triệu Văn C, Nguyễn Tấn Hồng Q, Lê Đăng C1, Lê Khắc C2 và Bùi Văn T1, mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo như Cáo trạng đã viện dẫn là phù hợp quy định C pháp luật. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định C pháp luật.

Ý kiến C bị cáo: Các bị cáo không phát biểu tranh luận và không trình bày lời bào chữa.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo Phan Văn D thấy hành vi C mình là vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối cải về hành vi vi phạm và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất. Các bị cáo còn lại không có lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH C HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng C Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định C Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định C Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng C Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Phi H cùng đồng phạm đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội C mình, phù hợp với lời khai C người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 12 giờ ngày 03/9/2022, tại tiệm tạp hóa “Chú Mười” thuộc ấp Ông Hường, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, do Hoàng Phi H làm chủ, H cung cấp 07 bộ bài tây, 01 hộp nhựa, 01 chăn màu hồng cho các đối tượng Phạm Hữu T, Phan Văn D, Triệu Văn C, Nguyễn Tấn Hồng Q, Lê Đăng C1, Lê Khắc C2 và Bùi Văn T1 đánh bạc bằng hình thức “Đánh bài Liêng” thắng thua bằng tiền và thu tiền xâu.

Tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 32.290.000đ (Ba mươi hai triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng).

Đối chiếu lời khai C các bị cáo tại phiên tòa với lời khai C người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập, nhận thấy có đủ căn cứ kết luận hành vi C bị cáo Hoàng Phi H đã phạm vào tội “Tổ chức đánh bạc”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 C Bộ luật hình sự; hành vi C các bị cáo Phạm Hữu T, Phan Văn D, Triệu Văn C, Nguyễn Tấn Hồng Q, Lê Đăng C1, Lê Khắc C2 và Bùi Văn T1 đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 C Bộ luật hình sự.

Hành vi C các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu nói riêng và trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nói chung, là nguyên nhân gián tiếp gây ra các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo đều biết nhà nước nghiêm cấm hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền, nhưng bị cáo H đã tổ chức đánh bạc bằng cách cung cấp 07 bộ bài tây, 01 hộp nhựa, 01 chăn màu hồng và phòng bên trong tiệm tạp hóa C mình để cho các bị cáo T, D, C, Q, C1, C2 và T1 cùng nhau tham gia đánh bạc bằng hình thức “Đánh bài Liêng” sát phạt thắng thua bằng tiền lẫn nhau.

[3] Xét tính chất C đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia tội phạm C từng bị cáo trong vụ án thể hiện;

Về tội “Tổ chức đánh bạc”: Bị cáo Hoàng Phi H nhất thời phạm tội, do nể nang vì có cha vợ C mình là Triệu Văn C cũng tham gia đánh bạc, nên đã đồng ý cung cấp bài, dụng cụ và phòng bên trong tiệm tạp hóa C mình để cho các bị cáo khác trong vụ án (trong đó có cha vợ) tham gia đánh bạc; số tiền “xâu” thu được là 210.000đ (Hai trăm mười ngàn đồng), nhưng không phải do bị cáo H trực tiếp thu tiền “xâu” mà do các bị cáo tham gia đánh bạc tự bỏ tiền “xâu” vào hộp nhựa trong quán.

Về nhóm tội “Đánh bạc”: Các bị cáo đều tham gia với vai trò là người thực hành thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, nhất thời phạm tội. Các bị cáo

T, D, C và Q cùng rủ nhau tham gia đánh bạc tại tiệm tạp hóa C H; bị cáo D là người hỏi H lấy bài tây để đánh bạc; sau đó các bị cáo C1, C2 và T1 cũng đến tiệm tạp hóa và cùng tham gia đánh bạc. Trong đó, T sử dụng số tiền 21.300.000 đồng (thua bạc 180.000 đồng), D sử dụng số tiền 1.500.000 đồng (thắng bạc 580.000 đồng), C sử dụng số tiền 800.000 đồng (thua bạc 20.000 đồng), Q sử dụng số tiền 1.100.000 đồng (thắng bạc 540.000 đồng), C1 sử dụng số tiền 2.000.000 đồng (thắng bạc 40.000 đồng), C2 sử dụng số tiền 830.000 đồng (thắng bạc 1.370.000 đồng) và T1 sử dụng số tiền 900.000 đồng (thắng bạc 1.200.000 đồng) để đánh bạc. Tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 32.290.000đ (Ba mươi hai triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng).

Số tiền mỗi bị cáo dùng vào việc đánh bạc là một trong những căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm C tội phạm khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

Về hình phạt dành cho bị cáo Hoàng Phi H tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm C tội phạm như đã phân tích; hình phạt dành cho bị cáo Phạm Hữu T phải cao hơn các bị cáo khác trong nhóm tội “Đánh bạc”, do T phạm tội trong thời gian thử thách C án treo; hình phạt dành cho các bị cáo Triệu Văn C, Nguyễn Tấn Hồng Q, Lê Đăng C1, Lê Khắc C2 và Bùi Văn T1 tương đương nhau như đã phân tích nêu trên; đối với bị cáo Phan Văn D có nhân thân từng bị Tòa án xử phạt tù về tội “Đánh bạc” nay lại tiếp tục phạm tội, D không có nơi cư trú rõ ràng hoặc nơi làm việc ổn định, theo quy định tại Điều 2 C Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 C Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 C Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo. Do vậy, để cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng để các bị cáo lấy đó làm bài học cho mình mà tuân theo pháp luật và các quy tắc C cuộc sống, sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời cũng để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Hữu T phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 C Bộ luật hình sự. Các bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (trừ bị cáo Hoàng Phi H, Phạm Hữu T và Phan Văn D); quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo H đang điều trị bệnh gút, thoái hóa khớp phải - trái và tăng huyết áp kéo dài trong nhiều năm; bị cáo C có thân nhân tốt, có mẹ là người có công giúp đỡ cách mạng đã được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất vào năm 1994; các bị cáo H, C, Q, C1, C2 và T1 có nhân thân là ngoài lần phạm tội này, đều chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ C công dân ở nơi cư trú, có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục; bị cáo Phan Văn D phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mặc dù nhân thân đã bị kết án nhưng đã được xóa án tích nhiều năm nên được xem là nhân thân tốt; bị cáo Triệu Văn C và Hoàng Phi H có quan hệ là cha vợ, con rể; trong thời gian bị áp dụng biện pháp ngăn

chặn cấm đi khỏi nơi cư trú các bị cáo đều chấp hành nghiêm qui định C các Cơ quan tiến hành tố tụng, chấp hành đúng chính sách, pháp luật và không vi phạm pháp luật gì; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i (trừ bị cáo H, T và D), điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 C Bộ luật hình sự; Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ nêu trên để quyết định hình phạt cho từng bị cáo và áp dụng thêm Điều 65 C Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt cho bị cáo H, áp dụng thêm Điều 35 C Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt cho các bị cáo C, Q, C1, C2 và T1 mà vẫn đạt được yêu cầu C việc phòng và chống tội phạm.

Đối với bị cáo Phan Văn D thời gian bị tạm giam đến nay cũng tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội C hành vi phạm tội, nên Hội đồng xét xử xem xét và xử phạt mức hình phạt bằng với thời gian bị cáo đã bị tạm giam cũng đảm bảo sự nghiêm khắc, mục đích C hình phạt và áp dụng Điều 328 C Bộ luật tố tụng hình sự để trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo D, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo qui định tại khoản 3 Điều 322 C Bộ luật hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Và theo qui định tại khoản 3 Điều 321 C Bộ luật hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để thể hiện sự nghiêm khắc trong việc cá thể hóa hình phạt đối với bị cáo Hoàng Phi H trong vụ án. Đối với các bị cáo Phạm Hữu T và Phan Văn D hình phạt chính là phạt tù đã nghiêm khắc nên không áp dụng hình phạt bổ sung. Đối với các bị cáo Triệu Văn C, Nguyễn Tấn Hồng Q, Lê Đăng C1, Lê Khắc C2 và Bùi Văn T1, hình phạt chính là hình phạt tiền, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan C2 sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu đã giao trả lại các tài sản nêu trên cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp tài sản là đúng quy định C pháp luật.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 32.290.000 đồng (Ba mươi hai triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng), là tiền dùng vào việc phạm tội. Tịch thu tiêu hủy 07 bộ bài tây (có 03 bộ đã qua sử dụng), 01 hộp nhựa, 01 chần màu hồng, là công cụ dùng vào việc phạm tội.

Giao trả tài sản không phải là vật chứng cho chủ sở hữu Phan Văn D gồm 01 điện thoại di động Iphone 11, màu đen và 01 xe mô tô biển số 47B1-206.46, số khung 55P10BY052601, số máy 55P1052622; Nguyễn Tấn Hồng Q số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

[8] Đối với Bản án số 132/2021/HS-ST ngày 24/11/2021 C Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, xử phạt bị cáo Phạm Hữu T 07 tháng tù về tội: “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 02 tháng kể từ ngày tuyên án; bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật; bị cáo T phạm tội mới trong thời gian thử thách C án treo, nên Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt chung C Bản án số: 132/2021/HS-ST với tội đang bị xét xử, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung C 02 bản án theo quy định tại khoản 5 Điều 65

và Điều 56 C Bộ luật hình sự.

[9] Xét quan điểm C đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa phù hợp một phần với nhận định C Hội đồng xét xử. nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định C pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 C Bộ luật hình sự (áp dụng cho bị cáo H);

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 (áp dụng cho các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”); điểm i (trừ bị cáo T và D), điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 (áp dụng cho bị cáo T); Điều 17; Điều 58; Điều 35 (trừ bị cáo T và D); Điều 38 (áp dụng cho bị cáo T và D) C Bộ luật hình sự.

- Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 C Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 C Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Phi H phạm tội “Tổ chức đánh bạc”;

Các bị cáo Phạm Hữu T, Phan Văn D, Triệu Văn C, Nguyễn Tấn Hồng Q, Lê Đăng C1, Lê Khắc C2 và Bùi Văn T1 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt:

Bị cáo Hoàng Phi H 01 (năm) tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Giao bị cáo Hoàng Phi H cho Ủy ban nhân dân xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 C Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định C Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù C bản án đã cho hưởng án treo. (Đã giải thích hậu quả C việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định tại khoản 5 Điều 65 C Bộ luật hình sự; và vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 C Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao).

Bị cáo Phạm Hữu T 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước, từ ngày 03/9/2022 đến ngày 09/9/2022.

Áp dụng khoản 5 Điều 65 và Điều 56 C Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt C nhiều bản án đối với bị cáo Phạm Hữu T; tại Bản án số: 132/2021/HS-ST ngày 24/11/2021 C Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai đã xử phạt bị cáo Phạm Hữu T 07 (bảy) tháng tù về tội: “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án

treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án, với hình phạt 10 (mười) tháng tù tại bản án này; buộc bị cáo Phạm Hữu T phải chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước, từ ngày 03/9/2022 đến ngày 09/9/2022.

Bị cáo Phan Văn D 05 (năm) tháng 12 (mười hai) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/9/2022.

Áp dụng vào Điều 299 và khoản 5 Điều 328 C Bộ luật tố tụng hình sự; Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Phan Văn D đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao các bị cáo Phan Văn D cho lực lượng C2 sát hỗ trợ tư pháp dẫn giải về Nhà tạm giữ Công an huyện Vĩnh Cửu để làm thủ tục trả tự do.

Phạt tiền bị cáo Triệu Văn C 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Tấn Hồng Q 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Phạt tiền bị cáo Lê Đăng C1 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Phạt tiền bị cáo Lê Khắc C2 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Phạt tiền bị cáo Bùi Văn T1 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

- Căn cứ vào Điều 47 và Điều 48 C Bộ luật hình sự. Điều 45, Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 327, Điều 331 và Điều 333 C Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 C Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 32.290.000 đồng (Ba mươi hai triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng). Tịch thu tiêu hủy 07 (bảy) bộ bài tây (có 03 bộ đã qua sử dụng), 01 (một) hộp nhựa, 01 (một) chăn màu hồng. Trả lại cho bị cáo Phan Văn D 01 (một) điện thoại di động Iphone 11, màu đen và 01 (một) xe mô tô biển số 47B1-206.46, số khung 55P10BY052601, số máy 55P1052622; Nguyễn Tấn Hồng Q số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

(Theo biên lai thu tiền số 0007076 ngày 26/12/2022 và biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/12/2022 C Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai).

3. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Công an huyện Vĩnh Cửu;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện Vĩnh Cửu;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đường Anh Sơn